

Số: 186 /TCT-PC&KSNB

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

V/v công bố thông tin

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần  
Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà

Nội;

Điện thoại: 024.36410799

Fax: 024.36410800

Mã chứng khoán: VIF

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Quốc Khánh - Tổng giám đốc;

Địa chỉ: 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ bất thường ☐ định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Nội dung thông tin công bố:  
 Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông báo: Ngày 20/02/2023, Tổng công ty nhận được Bản án dân sự phúc thẩm số 102/2022/DS-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng giao khoán*" giữa nguyên đơn là Ông Bàn Phúc Thắng, bị đơn là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Bàn Như Thành và Bà Đàm Thị Huân, bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 20/02/2023 tại đường dẫn <http://www.vinafor.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- PTGD Ngô Thị Thúy Mai;
- Ban biên tập Website Vinafor;
- Ban công bố thông tin;
- Lưu VT, PC&KSNB.



**Lê Quốc Khánh**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS - PT

Ngày: 30/12/2022

*"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
tài sản trên đất và hợp đồng giao khoán"*

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM	
C.V	Số: 108
ĐẾN	Ngày: 10/01/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Lý

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Quý Sửu và bà Nguyễn Thị Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 và ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLPT - DS ngày 03/10/2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng giao khoán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS - ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2022/QĐ- PT ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự.

**1. Nguyên đơn:** Ông Bàn Phúc Thắng (tên gọi khác là Bàn Phúc Đặng), sinh năm 1989; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Tự do; Trú tại: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên tòa)

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977 (Có mặt tại phiên tòa)

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983 (Có mặt tại phiên tòa)

Đều là Luật sư - Công ty Luật TNHH Đức Thành - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 Vinhomes D'Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh - Chức vụ Tổng giám đốc.



Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980; Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên - Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần (Có mặt tại phiên tòa)

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

3.1: Ông Bàn Như Thành (bố đẻ ông Thắng)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bàn Phúc Thắng (tên gọi khác là Bàn Phúc Đặng), sinh năm 1989

3.2: Bà Đàm Thị Huân, sinh năm 1991 (vợ ông Thắng)

Cùng địa chỉ: xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. (Ông Thắng, bà Huân có mặt tại phiên tòa)

**4. Người làm chứng:** Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Trú tại: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.  
(vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và lời khai của ông Bàn Phúc Thắng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thắng tại phiên tòa trình bày: Năm 1993 và năm 1998, bố ông Thắng là ông Bàn Như Thành được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho diện tích đất 2,3 ha đất rừng thuộc lô 5, tiểu khu 413 và lô 18, khoảnh K11a theo sổ giao đất rừng năm 1993 và 5,10 ha thuộc khoảnh K3, lô 2, tiểu khu 413 giao năm 1998 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Sổ xanh mang tên ông Bàn Như Thành và Ma Văn Thành (do Lâm trường Đồng Hỷ cấp sai họ và tên đệm của bố ông Thắng). Năm 2007, ông Thành đã cho tôi diện tích đất này để sử dụng. Gia đình tôi đã sử dụng ổn định từ khi được Lâm trường giao đất cho đến nay. Bên cạnh đó gia đình tôi có khai hoang thêm một số diện tích 6,08 ha đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 và diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2015 và năm 2016, Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - C.ty cổ phần Lâm nghiệp Thái Nguyên ép tôi ký không hợp đồng thì mới cho khai thác. Hợp đồng không có ghi ngày, tháng, lô, khoảnh, không ghi diện tích bao nhiêu. Trước sức ép không đó, gia đình tôi buộc phải ký hợp đồng để được khai thác và vận chuyển lâm sản mà gia đình tôi sản xuất được. Sau khi khai thác xong, gia đình tôi tiếp tục tự bỏ vốn đầu tư để trồng cây keo và cây phan.

Năm 2016, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự ý cho người cắm mốc vào diện tích đất gia đình tôi đang canh tác với lý do cho rằng đất đó của Công ty. Gia đình tôi không đồng ý nên đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến giải quyết tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến đã có nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Năm 2018, gia đình tôi có đơn yêu cầu Công ty Lâm nghiệp đo diện tích đất theo hiện trạng mà gia đình tôi sử dụng để đối chiếu. Kết quả đo xác định, đất tranh chấp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến, tổng diện tích 13,48ha. Diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 866531 ngày 15/2/2011 và 1,96 ha đất rừng thuộc thửa 188, tờ bản



đồ số 4 đã được cấp cho Công ty Lâm nghiệp Việt Nam số BA 866531 ngày 15/02/2011. Tuy nhiên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tổng công ty lại không có hồ sơ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất đối với thửa số 30. Còn thửa số 188 thì cấp đất nhưng lại không đúng đối tượng.

Nay tôi không nhất trí với việc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần; Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên cho rằng đất là của Công ty nên vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án:

+ Xác định **13,48 ha** đất rừng và toàn bộ cây trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi, gia đình tôi có quyền khai thác, vận chuyển và hưởng giá trị sản phẩm của số cây này, Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên không có quyền thu sản phẩm đối với số cây trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình tôi.

Vị trí đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của gia đình tôi (Trong đó có 7,40ha đất được Lâm trường Đồng Hỷ cấp sổ xanh và 6,08ha đất khai hoang thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01 xã Hợp Tiến; diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của tôi).

+ Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình tôi đã ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên từ năm 2015 đến nay là vô hiệu do bị lừa dối, bị ép buộc, bị ký khống.

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/2/2011.

**\* Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - ông Phạm Huy Bình trình bày:** Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Thắng với lý do:

Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP- chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (Sau đây gọi tắt là "Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên", "Công ty") quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Trìu và Trại Cau thành LT Đồng Hỷ

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ tổng diện tích được giao tại huyện Đồng Hỷ là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam; Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công



ty lâm nghiệp Thái Nguyên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên

- Quyết định số 141/HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đồng Hỷ và Lâm trường Phú Bình trực thuộc Công ty Ván Dăm Thái Nguyên.
- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, Các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Tân Lợi, Hợp Tiến với nội dung trước đây Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ "Lâm bạ" đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức "Hợp đồng giao khoán.
- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy Ván dăm Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên
- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty Ván dăm Thái Nguyên ngày 22/12/1998.
- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.
- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ với diện tích được cấp 12.919.983,0m<sup>2</sup>;
- Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã Hợp Tiến;
- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.
- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.
- Văn bản số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.
- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN
- Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch.
- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng



đất; do đặc chính lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên năm 2016

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT Lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về hồ sơ giao đất giao rừng

Căn cứ đơn xin nhận đất nhận rừng do ông Bàn Như Thành ký ngày 27/3/1993. Lâm trường Đồng Hỷ có Quyết định giao đất giao rừng cho ông Bàn Như Thành ngày 30/11/1993 và ngày 20/5/1998; Có biên bản giao đất giao rừng tại lô 5 tiểu khu 413 diện tích 1,60 ha và lô 18 tiểu khu 11a diện tích 0,70 ha. Tổng diện tích 2,30 ha theo hồ sơ giao đất giao rừng số 927 năm 1993.

Quyết định giao đất giao rừng ngày 20/5/1998 tại lô 2 tiểu khu 413-k3 diện tích 5,10 ha. Ngày 20/7/2011 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán cho ông Bàn Phúc Thắng tại lô 3 khoảnh 11a, tiểu khu 413 diện tích 0,70 ha. Ngày 10/12/2015 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với bà Đàm Thị Huân (vợ ông Bàn Phúc Thắng) theo đơn xin nhận khoán của bà Huân. Vị trí tại: Lô B9 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 1,60 ha; Lô B11 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 3.20 ha; Lô B29 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 4,00 ha.

Ngày 20/01/2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô C50 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,75 ha

Ngày 28/02/2018 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô E30 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,63 ha. Tổng Công ty Lâm nghiệp có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên.

Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất:

Căn cứ biên bản làm việc ngày 16/10/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, UBND xã Hợp Tiến và Hộ nhận khoán ông Bàn Phúc Thắng, tổng diện tích hộ ông Bàn Phúc Thắng đang canh tác trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là 15,44 ha, trong đó công ty dự kiến trả về địa phương 0,47 ha và giữ lại sử dụng sau cổ phần hóa 14,97 ha. Diện tích 14,97 ha công ty giữ lại sử dụng sau khi cổ phần hóa gồm: diện tích 12,20 ha Công ty đã giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2015 và năm 2016; Diện tích 2,77 ha Công ty chưa giao khoán nhưng hộ ông Bàn Phúc Thắng đang lấn chiếm tự đầu tư. Tại khu vực khoảnh 3, tiểu khu 195, thửa thừa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006, diện tích đo theo hiện trạng sử dụng của hộ ông Bàn Phúc Thắng là 13,48 ha, trong đó 0,47 ha Công ty dự kiến trả về địa phương; 13,01 ha Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sau cổ phần hóa gồm 10,85 ha đất có hợp đồng giao khoán cho bà Đàm Thị Huân (vợ ông Bàn Phúc Thắng), 2,16 ha hộ ông Bàn Phúc Thắng đang lấn chiếm tự đầu tư.

Tại khu vực khoảnh 11B, tiểu khu 195, thửa thừa 188, tờ bản đồ số 4 bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006, diện tích đo theo hiện trạng là



1,96 ha; có 1,96 ha Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên giữ lại sau cổ phần hóa gồm 1,35 ha Công ty đã giao khoán cho ông Bàn Phúc Thắng (Bàn Phúc Đăng chồng bà Đàm Thị Huân), 0,61 ha hộ ông Bàn Phúc Thắng (Bàn Phúc Thắng chồng bà Đàm Thị Huân) đang lấn chiếm tự đầu tư.

Đối với diện tích Công ty chưa giao khoán cho hộ ông Bàn Phúc Thắng đang lấn chiếm tự đầu tư (2,77ha), Công ty đã đề nghị ông Thắng ký hợp đồng nhận khoán với Công ty trong năm 2018. Hộ ông Bàn Phúc Thắng không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang lấn chiếm của Công ty.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 14,97 ha theo hiện trạng được đo ngày 16/10/2018 thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1; thửa 188, tờ bản đồ số 4, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến và quyền sở hữu toàn bộ cây trên đất với lý do nguồn gốc đất được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho bố là ông Bàn Như Thành từ năm 1993-1998, ông được nhận tặng cho từ năm 2007, ông bị công ty ép ký hợp đồng trắng thì mới cho khai thác (Biên bản hòa giải tranh chấp ngày 27/8/2019 tại UBND xã Hợp Tiến). Tuy nhiên, Nguyên đơn cũng không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận việc tặng cho. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên và căn cứ trên nhu cầu của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán. Trong khi đó, Tổng Công ty có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tổng công ty đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc công nhận diện tích 13,48 ha theo hiện trạng được đo ngày 16/10/2018 thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2006 của xã Hợp Tiến và toàn bộ cây trên đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc quyền sử dụng quyền sở hữu của gia đình nguyên đơn.

**Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị Huân (vợ ông Bàn Phúc Thắng):** nhất trí với ý kiến của nguyên đơn ông Bàn Phúc Thắng.

**Ý kiến của người làm chứng:** ông Phạm Văn Trình, trình bày: Tôi là đội trưởng đội sản xuất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thời điểm từ năm 2013-2021. Liên quan đến việc ký các hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông (bà) Bàn Phúc Thắng (Đàm Thị Huân) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo hợp đồng là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký khống với các hộ dân. Nay các hộ dân cho rằng Công ty ép các hộ ký khống là không đúng.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 11/2022/DS - ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị công nhận 13,48 ha đất trồng rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông bà, vì



vị trí đất tranh chấp được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích thực tế là **150.411,8m<sup>2</sup>** tương đương **15,04 ha** đất trồng rừng thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 11, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số BA 866776 tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800 m<sup>2</sup>** (Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông)

- **Vị trí đất thứ nhất 131.191m<sup>2</sup>** thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:

- + Phía Đông giáp với đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng
- + Phía Tây giáp với đất ông Dương Tuấn Hùng đang sử dụng; một phần tây bắc giáp đất anh Đặng Văn Nguyên đang sử dụng
- + Phía Bắc giáp với đất ông Phan Đức Lâm đang sử dụng
- + Phía Nam một phần giáp với đất ông Nghiêm Xuân Thông (có ranh giới là khe suối); một phần giáp đất bà Dương Thị Vỹ (có ranh giới là khe suối) đang sử dụng.

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

- **Vị trí đất xác định thứ hai 19.220,8m<sup>2</sup>** thuộc thửa số 188 tờ bản đồ số 4, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:

- + Phía Nam giáp với đất ông Bàn Phúc Thắng (đất vườn);
  - + Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Văn Bình đang sử dụng;
  - + Phía Tây Bắc một phần giáp đất nhà ông Dương Như Lý, một phần giáp đất nhà ông Triệu Tiến Tiên (đã chết, hiện con trai là Triệu Văn Minh);
  - + Phía Tây Nam giáp với đất ông Bàn Phúc Hiện đang sử dụng;
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

( Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng mà ông Thắng cho rằng bị ép ký không từ năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Phúc Thắng đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 và BA 866531 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: ông Bàn Phúc Thắng phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã chi phí xong).

5. Án phí: Miễn 52.611.186đ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bàn Phúc Thắng. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2022 nguyên đơn Bàn Phúc Thắng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Bàn Phúc Thắng vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất được Lâm trường



giao và đã có sổ xanh là 7,40ha; yêu cầu công nhận 80.411,8m<sup>2</sup> và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

Phía bị đơn không nhất trí với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày:** Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bàn Phúc Thắng hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11 ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Với lý do: Cấp sơ thẩm vi phạm về việc thu thập chứng cứ (bản đồ địa chính số 01 xã Hợp Tiến); Không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng; Không triệu tập UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để làm rõ UBND xã Hợp Tiến quản lý đất rừng đến đâu?; Nguyên đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ đến Tòa án cấp tỉnh giải quyết là sai thẩm quyền; Không thể hiện diện tích đất tranh chấp nằm tại thửa đất nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Bàn Phúc Thắng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

#### [1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người làm chứng là ông Phạm Văn Trinh đã được triệu tập hợp lệ trên 02 lần, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy ông Trinh đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người làm chứng trên.

**[2] Về nội dung:** Xét nội dung kháng cáo của của nguyên đơn anh Bàn Phúc Thắng và lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Thắng:

[2.1]: Về nguồn gốc đất: Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập ngày 12/01/1973. Năm 1992 Lâm Trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích đất rừng được giao 13.065ha. Năm 1998 Lâm trường Đồng Hỷ trực thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam quản lý. Năm 1999 được đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên trực thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và đổi tên Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thành Công ty ván dăm Thái Nguyên. Năm 2012 sáp



nhập Công ty ván dăm Thái Nguyên vào Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Tại Quyết định 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 16/03/2012 đã quyết định thành lập Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên.

Năm 1993 và 1998 bố ông Thắng là ông Bàn Như Thành được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho diện tích đất 2,3 ha đất rừng thuộc lô 5, tiểu khu 413 và lô 18, khoảnh K11a theo sổ giao đất rừng năm 1993 và 5,10 ha thuộc khoảnh K3, lô 2, tiểu khu 413 giao năm 1998 thuộc xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, được cấp Sổ xanh mang tên ông Bàn Như Thành (Ma Văn Thành), đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ giao để trồng rừng và thực hiện quyền và nghĩa vụ với Lâm trường theo quy định tại Điều 2 Quyết định giao đất giao rừng.

[2.1.2]: Kết quả do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng đất bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là **150.397,8m<sup>2</sup>** tương đương **15,03 ha** đất trồng rừng chỉ là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số **BA 866776** tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800m<sup>2</sup>** (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông*) trong đó có 15.135,5 m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 2 do Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đang quản lý.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Gia đình anh Bàn Phúc Thắng cho rằng được nhận đất rừng được cấp bìa xanh, tuy nhiên gia đình chỉ được sử dụng và giao nộp sản phẩm cho Công ty, không phải được cấp quyền sử dụng đất.

[2.1.3]: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh Thắng chỉ Huân không cung cấp được bất cứ tài liệu gì chứng minh về việc khai hoang đất rừng năm 2006.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có ông Phương, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã Hợp Tiến xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (theo chỉ dẫn của anh Thắng): Diện tích đất anh Thắng đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, qua kết





quả đo đạc theo chỉ dẫn của anh Thắng thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 và thửa số 407 tờ bản đồ số 3 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên nay thuộc Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Do vậy, anh Thắng cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

**[3] Về yêu cầu Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên - chi nhánh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần. Hội đồng xét xử thấy:** Trên cơ sở nguồn gốc đất được giao cho Lâm trường Đồng Hỷ, đến năm 2011 thì Công ty TNHH MTV ván dăm tiến hành làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy rằng: Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065ha. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ được đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Ngày 28/01/2003 Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên là Công ty Ván dăm Thái Nguyên. Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất và Sở Tài Nguyên và Môi trường trình cấp có thẩm quyền là UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật. Như vậy không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Công ty TNHH một thành viên Ván dăm Thái Nguyên như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

**[4] Yêu cầu Tòa án Tuyên hủy tất cả các hợp đồng giao khoán do bị ép, bị ký không từ năm 2015. Hội đồng xét xử thấy rằng:**

**[4.1]:** Ngày 20/8/2011 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (Thắng) - nguyên đơn tại lô 3 khoảnh 11a, tiểu khu 413 diện tích 0,70 ha. (Bút lục 125); Ngày 10/12/2015 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với bà Đàm Thị Huân (vợ ông Bàn Phúc Thắng) theo đơn xin nhận khoán của bà Huân. Vị trí tại: Lô B9 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 1,60 ha; Lô B11 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 3.20 ha; Lô B29 khoảnh 3 tiểu khu 195 diện tích 4,00 ha (Bút lục 131); Ngày 06/6/2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô C50 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,75 ha (Bút lục 139); Ngày 28/02/2018 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán với ông Bàn Phúc Đăng (tức ông Bàn Phúc Thắng) tại Lô E30 khoảnh 11B tiểu khu 195 diện tích 0,63 ha (Bút lục 148). Tổng diện tích gia đình ông Bàn Phúc Thắng, bà Đàm Thị Huân ký Hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp là 10,85 ha

**[4.2]:** Ông Thắng, bà Huân thừa nhận những chữ ký trong các hợp đồng giao khoán là chữ ký của ông, bà, nhưng chỉ ký chứ không có nội dung, ông bà



bị ép ký khống và trong hợp đồng đã ký không có số lô, số thửa, sau đó về Công ty tự ghi thêm nội dung giao. Lời trình bày trên là không có căn cứ, bởi lẽ: Ông Thắng, bà Huân xác định là đất đã được giao và đất khai hoang thì ký hợp đồng gì với Công ty? Mà không phải ký một lần mà ký nhiều lần, ngoài hợp đồng giao khoán thì còn có đơn nhận khoán, biên bản nghiệm thu sản lượng... v.v. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Thắng.

[4.3]: Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa anh Bàn Phúc Đăng (Bàn Phúc Thắng), Đàm Thị Huân với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Nội dung trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thể hiện rõ nội dung khoán, công việc, đầu tư vốn, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng. Như vậy càng có căn cứ khẳng định khi ký kết hợp đồng gia đình anh Thắng không hề bị ép buộc như khai, mặt khác ông Phạm Văn Trình, là đội trưởng đội sản xuất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thời điểm từ năm 2013-2021 khai: “Liên quan đến việc ký các hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông (bà) Bàn Phúc Thắng (Đàm Thị Huân) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo hợp đồng là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký khống với các hộ dân. Nay các hộ dân cho rằng Công ty ép các hộ ký khống là không đúng”

**[5] Đối với yêu cầu xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của gia đình anh Thắng và anh có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.**

[5.1]: Như đã phân tích tại mục [4] thì các hợp đồng giao khoán giữa anh Thắng, chị Huân có hiệu lực pháp luật, cho nên, số cây trồng trên diện tích (10,15 ha) trong đó theo hợp đồng ký ngày 10/12/2015 tổng: 8,8 ha tại thửa 30, tờ bản đồ số 1; theo hợp đồng ký ngày 20/01/2016: diện tích 0,75ha và hợp đồng ký ngày 28/02/2018, diện tích 0.60ha tại thửa 188. Anh Thắng, chị Huân đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì anh chị vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà anh Thắng, chị Huân đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty.

[5.2]: Số cây Keo và Phấn trên phần đất lấn chiếm (3,83ha) tại thửa 30 là 1,75ha; thửa số 2 là 1,51ha; thửa 188 là 0,57ha, anh Thắng, chị Huân đã tự đầu tư trồng, khi trồng Công ty không có ý kiến gì, tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty xác định số cây trên là của gia đình anh Thắng. Nên anh Thắng có



quyền khai thác toàn bộ cây trên khi đến chu kỳ để trả lại đất cho Công ty, nếu hai bên không có thỏa thuận khác.

[6]: Về nội dung yêu cầu giám định hợp đồng giao khoán giữa gia đình anh Bàn Phúc Thắng, chị Đàm Thị Huân với Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía anh Thắng đều thừa nhận chữ ký trong bộ hợp đồng giao khoán đều là do anh ký, khi ký bản hợp đồng và các tài liệu khác đều đã có chữ in sẵn, nhưng anh cho rằng lúc ký thì người cho ký là ông Trình không cho anh đọc, anh nghĩ đó là giấy phép khai thác lâm sản. Tuy nhiên, anh không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là anh bị ép ký, hay ký không. Cho nên việc giám định hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[7]: Về nội dung phía nguyên đơn và Luật sư của nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết khi có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái thẩm quyền và không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: Ngày 03/9/2019 ông Bàn Phúc Thắng khởi kiện Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần yêu cầu công nhận diện tích đất do Lâm trường giao và đất gia đình ông khai khẩn, ngoài ra còn yêu cầu tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Với nội dung yêu cầu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và xác định không có căn cứ rõ ràng thể hiện các quyết định cá biệt ban hành là trái pháp luật; UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam là không trái pháp luật, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển thẩm quyền đến Tòa án nhân dân cấp tỉnh, không triệu tập UBND tỉnh tham gia tố tụng và tiếp tục giải quyết là không trái với quy định của pháp luật cũng như giải đáp số 02/2016 và giải đáp số 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[8]: Đối với yêu cầu đưa UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy rằng: UBND xã Hợp Tiến là cơ quan hành chính nhà nước, quá trình giải quyết vụ án UBND đã có văn bản trả lời, xác định đất tranh chấp giữa các hộ dân với Công ty. Do vậy, việc đưa UBND xã Hợp Tiến tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không phù hợp và cần thiết.

[9]: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Thắng có nộp một bản vi bằng nội dung phóng sự, theo ông Thắng trình bày kênh của truyền hình nhân dân, nội dung liên quan đến việc giao đất giao rừng và ý kiến của ông trưởng phòng TNMT huyện Đồng Hỷ và ông Nguyễn Phó Chủ tịch xã Hợp Tiến, thấy rằng đây chỉ là tài liệu tham khảo, tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất 24/12/2010 thành phần gồm có Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, đại diện UBND xã Hợp Tiến, Công ty Ván Dăm... đã xác định vị trí, diện tích đất cụ thể.



[10] Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[11] Như vậy, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác phần cây trên đất của phía nguyên đơn là chưa phù hợp, số liệu chưa chính xác, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[12] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[13] Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên anh Bàn Phúc Thắng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003; Điều 99, 203 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh; Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Bàn Phúc Thắng, sửa bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Phúc Thắng đề nghị công nhận 13,48 ha đất trồng rừng (diện tích thực tế là 150.397,8m<sup>2</sup> tương đương 15,03 ha đất trồng rừng) đất đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BA 866776 thửa đất số 30, thửa số 188; tờ bản đồ số 1; diện tích 6.481.800m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: đất rừng



sản xuất; Thời hạn sử dụng 15/10/2043 ngày 15/2/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866531 ngày 15/2/2011 (có sơ đồ kèm theo)

2. Phần cây trên diện tích đất **10,15ha** (phần đất có hợp đồng giao khoán với công ty) tại thửa 30 và thửa 188 thực hiện theo hợp đồng giao khoán giữa gia đình ông Thắng và Công ty. Nếu có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

3. Anh Thắng chị Huân được thu hoạch cây trên diện tích 3,83ha (đất không có hợp đồng giao khoán tại thửa 30 là 1,75ha; thửa thừa số 2 là 1,51ha; thửa 188 là 0,57ha) khi đến chu kỳ thu hoạch để trả lại đất cho Công ty, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Phúc Thắng đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán giữa gia đình anh và Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần đã ký kết từ năm 2015 đến nay.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bàn Phúc Thắng đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 và BA 866531 của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

6. Về chi phí tố tụng: Anh Bàn Phúc Thắng phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã chi phí xong).

7. **Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:** Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho anh Bàn Phúc Thắng.

II. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

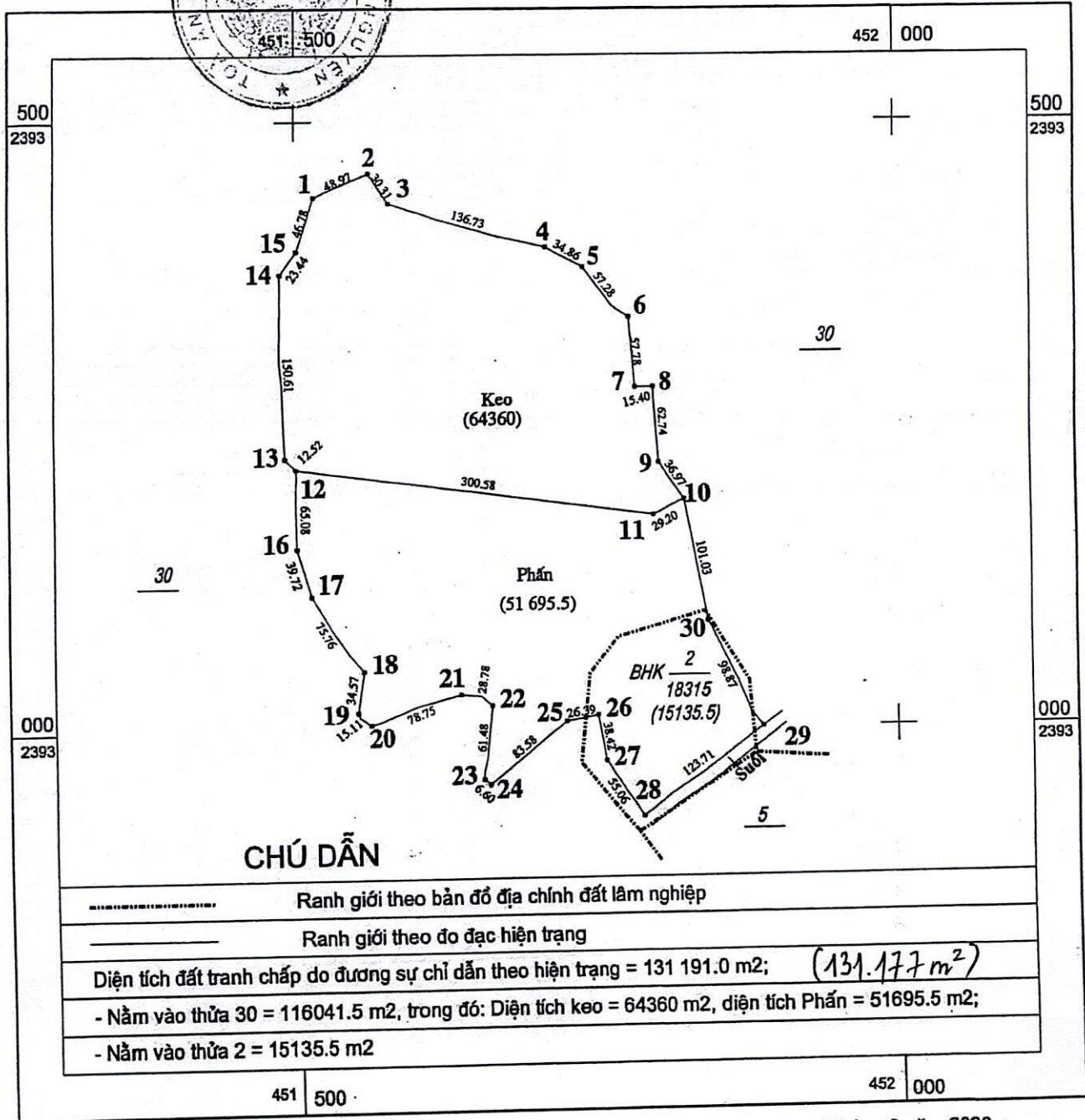


**Nguyễn Minh Lý**



# TRÍCH ĐO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG BÀN PHÚC THĂNG TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 6 năm 2020

Người đo vẽ:

*(Signature)*

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 6 năm 2020

Đơn vị đo vẽ: Công ty TNHH



GIÁM ĐỐC  
Trần Văn Điền



## BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

theo kết quả thẩm định trích đo hiện trạng ngày 1 tháng 6 năm 2020

Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc hiện trạng do đương sự chỉ dẫn = ~~131.191 m<sup>2</sup>~~ theo sơ đồ

1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,30,29,28,27,26,25,24,23,22,21,20,19,18,17,12,13,14,15,1;

- Năm vào thửa 30/ = 116041.5 m<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ địa chính số 1 xã Hợp Tiến.

Trong đó diện tích đất trồng keo = 64360 m<sup>2</sup>; diện tích đất trồng phần = 51695.5 m<sup>2</sup>;

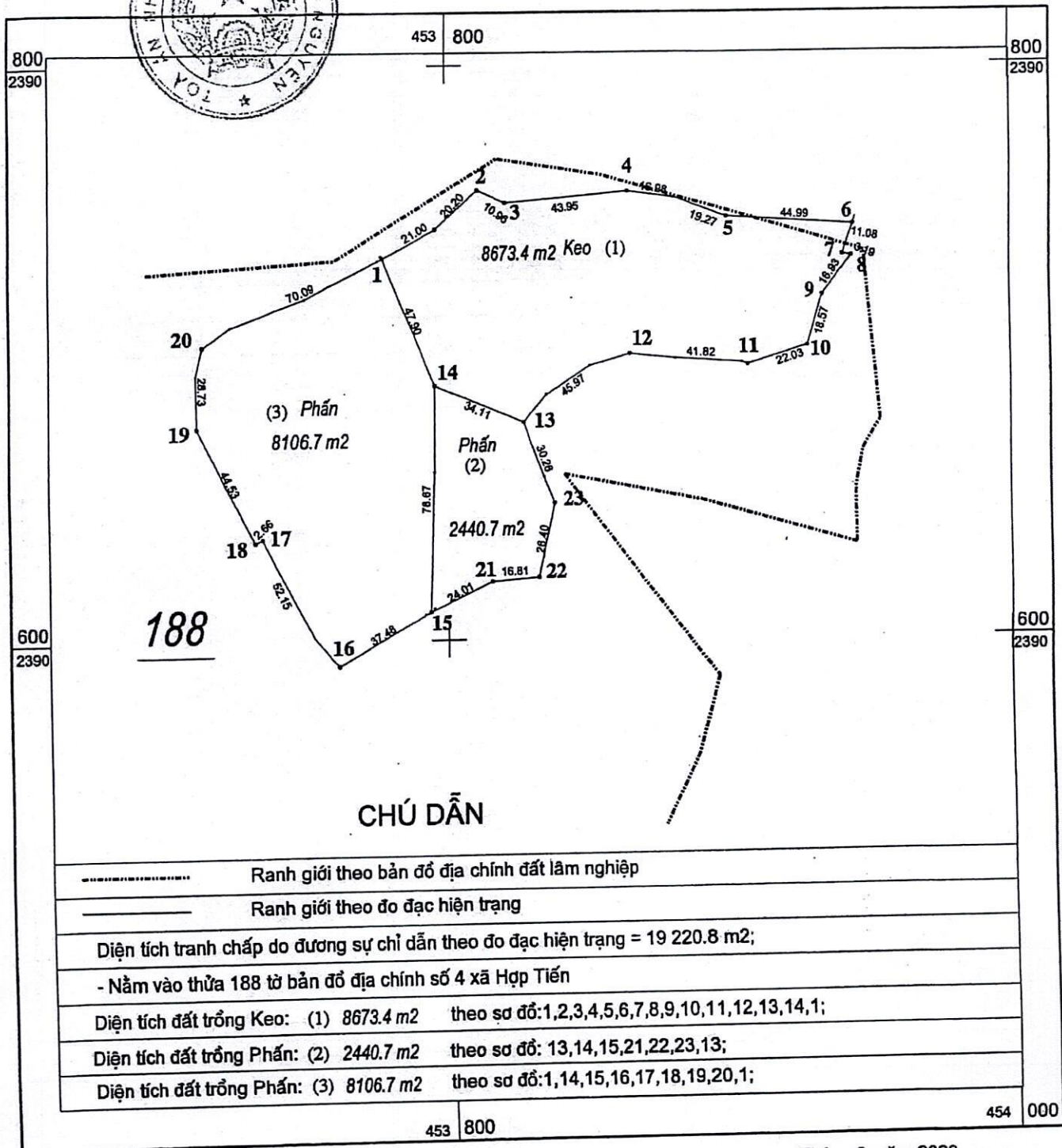
- Năm vào thửa 2 = 116035.5 m<sup>2</sup>

131.172 m<sup>2</sup>



# TRÍCH ĐO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT CÔNG BAN PHỤC THĂNG TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 6 năm 2020

Người đo vẽ:

*[Signature]*

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa



GIÁM ĐỐC  
Trần Văn Điền



## BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

Theo kết quả thẩm định đo đạc hiện trạng ngày 1 tháng 6 năm 2020

Diện tích tranh chấp do đương sự chỉ dẫn theo đo đạc hiện trạng = ~~19.220.8 m<sup>2</sup>~~ Theo sơ đồ:

1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,23,22,21,15,16,17,18,19,20,1;

- ~~Nằm vào thửa 188 tờ bản đồ địa chính số 4 xã Hòa Tiến~~

Diện tích đất trồng Keo: (1) 8673.4 m<sup>2</sup> theo sơ đồ: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,1;

Diện tích đất trồng Phấn: (2) 2440.7 m<sup>2</sup> theo sơ đồ: 13,14,15,21,22,23,13;

Diện tích đất trồng Phấn: (3) 8106.7 m<sup>2</sup> theo sơ đồ: 1,14,15,16,17,18,19,20,1;





# XÃ HỢP TIẾN

TỜ SỐ 1 (394449 + 394452 + 397449 + 397452)

